TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 24/2021/HSST Ngày: 01/07/2021	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH HÀ TĨNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhưng
2. Ông Nguyễn Tiến Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh, Thư Ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Lĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/XXHSST – HS, ngày 01/6/2021đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Việt B;** tên gọi khác: Không; giới tính: Nam

Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1990, tại xã B, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKHK và chỗ ở: Thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Hoàng Bá T, sinh năm 1943 (Đã chết); con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1945 (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị Việt Tr, sinh năm: 1991; con: Có 02 đứa (đều sinh năm 2019); tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án (vào ngày 10/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt về tội Tàng trữ hàng cấm quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự với mức án là 20 tháng tù giam tại Bản án số 11/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 133/QĐPT-HS ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh); biện pháp ngăn chặn: Bị cáo hiện nay đang thi hành án tại trại giam Xuân Hà.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

- Chị Hoàng Thị L; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do (Vắng mặt)

- Ông Lê Hồng T; sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị S; sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn T, xã Kỳ Phong, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh (Có mặt)

- Anh Lê Anh T; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 02/8/2020, lợi dụng thời tiết mưa to, Hoàng Việt B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác nên Hoàng Việt B cầm theo một chiếc đèn pin và một chiếc kìm đi bộ dọc theo đường liên thôn thuộc thôn H, xã B, huyện K nhằm mục đích xem có nhà nào sơ hở thì thực hiện hành vi trộm cắp, khi đi qua nhà của chị Hoàng Thị L (sinh năm 1985 ở thôn H, xã B, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh), B quan sát thấy nhà chị Hoàng Thị L đang có đèn điện sáng trong nhà nên B trèo qua hàng rào vào sân nhà chị L, khi vào được trong sân nhà của chị L, B đi đến cửa chính để mở cửa nhưng không mở được cửa nên B đi vòng ra phía sau nhà, thấy cửa sau được làm bằng tôn bị hở, B dùng chiếc kìm vặn mở ốc vít ở cửa sau rồi luồn tay vào trong mở chốt cửa và đi vào trong nhà của chị L. Khi vào trong nhà chị L, B thấy đèn điện ở nhà tắm được bật sáng, sợ có người nên B đã ngồi ở cửa sau đợi và quan sát một lúc, thấy không có người nên B đi vào. B đi qua bếp lên phòng ngủ đầu tiên do có ánh đèn điện từ nhà tắm chiếu lên nên B quan sát được ở phòng này không có ai, lúc này B nhìn thấy 01 (một) chiếc điện thoại di động vỏ màu xanh, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu REALME có số imei 1: 865.071.042.422.431; số imel 2: 865.071.042.422.423 đang xạc pin trên tủ nhựa đựng quần áo ngay cạnh giường ngủ, B lấy chiếc điện thoại đó đưa đến để ở gần bếp ga tại phòng bếp nhà chị L và tiếp tục quay lại phòng ngủ lúc nãy để tìm tài sản, B lục tìm trong tủ nhựa đựng quần áo nhưng không phát hiện được tài sản gì nên tiếp lục tìm sang tủ đứng bằng sắt ở gần đó thì thấy có một chiếc túi xách màu đen, B lấy chiếc túi xách đặt xuống nền nhà và mở túi xách ra xem thì thấy có 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền mặt, B lấy toàn bộ số tiền trên cho vào trong túi quần dài bên phải mà B đang mặc trên người, rồi đi sang phòng ngủ tiếp theo thì thấy chị L cùng các con của chị L đang nằm ngủ nên B quay lại

phòng bếp lấy chiếc điện thoại di động lúc nãy cho vào túi quần bên phải rồi quay ra phòng khách, thấy chìa khóa cửa chính nhà chị L để trên bàn nên B lấy chìa khóa mở cửa chính và cổng, sau khi mở được cửa chính và cổng thì B để ổ khóa và chìa khóa lại ở thềm nhà của chị L và đi về nhà mình. Khoảng 3 ngày sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, B đến nhà bà Nguyễn Thị N (dì ruột của B ở xã Kỳ Phong, huyện K), B nói với bà N là có chiếc điện thoại của người khác cầm cố cho B mà họ không đến lấy nên B cho bà N (chiếc điện thoại mà B đã trộm của chị L), sau đó bà N cho con trai của mình là anh Phạm Văn T chiếc điện thoại trên, còn số tiền trộm được thì B tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 4 giờ 30 phút sáng ngày 22/9/2020, sau khi ngủ ở nhà bố mẹ vợ ở thôn H, xã B, Hoàng Việt B dậy đi xe mô tô nhãn hiệu Janus, màu đen, biển kiểm soát 38K1- 471.14 (xe của mẹ vợ B) từ nhà của bố mẹ vợ về nhà của B ở Thôn G, xã B. Trên đường về, B thấy vợ chồng ông Lê Hồng T (sinh năm 1948, trú tại Thôn G, xã B) đang đi bộ tập thể dục nên B đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà ông T. Khi về đến nhà mình, B lấy chiếc kìm (chiếc kìm được mang theo khi B trộm cắp tài sản ở nhà chị Hoàng Thị L) và một chiếc liềm đi bộ đến nhà ông T, thấy cổng nhà ông T còn khóa nên B biết vợ chồng ông T chưa về, B trèo hàng rào vào khu vực nhà ông T, do nhà khóa cửa không vào được nên B đi xung quanh nhà tìm lối vào thì thấy cửa sổ mở (song cửa sổ làm bằng gỗ được lắp ngang), B dùng liềm cưa song cửa sổ dưới cùng, sau khi cưa được một nửa song cửa thì B dùng tay bẻ gãy song cửa sổ và chui vào trong nhà. B đi vào phòng ngủ đầu tiên (phía sau phòng khách) để tìm tài sản thì thấy ở đầu giường có một chiếc điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VSMART số imei 1: 359869101468952; số imel 2: 359869101468960. B lấy chiếc điện thoại bỏ vào trong túi quần bên phải của mình, tiếp tục lục lọi phát hiện có 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) ở trong gối, B lấy tiền bỏ vào túi quần bên phải, thấy có một chiếc vali để ở trên giường, B lục tìm nhưng không có tài sản gì. Sau đó, B đi sang phòng ngủ bên cạnh, mở cửa tủ đựng quần áo để tìm tài sản thì phát hiện trong túi áo trong phía trên bên trái của chiếc áo ấm (kiểu áo dạ) có 5.000.000đ (năm triệu đồng), B lấy toàn bộ số tiền đó rồi vứt chiếc áo xuống nền nhà. Sau khi trộm được tài sản, B chui qua cửa sổ đã được cưa lúc nãy và trèo qua hàng rào đi về nhà. Đến sáng ngày 24/9/2020 B mang chiếc điện thoại trộm được đến của hàng điện thoại của anh Lê Anh T ở xã Đ, huyện K bán cho anh T với giá 1.000.000đ. (một triệu đồng). Toàn bộ số tiền trộm cắp được và số tiền bán điện thoại B sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/HĐĐG ngày 11/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận:

+ Giá trị của 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh có số imeil 1: 865.071.042.422.431; số imel 2: 865.071.042.422.423 được mua vào tháng 01 năm 2020, có giá trị tại thời điểm mua là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) tại thời điểm xảy ra vụ việc ngày 02/8/2020 là 1.900.000đ (*một triệu chín trăm nghìn đồng*).

+ Giá trị của 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen số imei 1: 359869101468952; số imel 2: 359869101468960 được mua vào tháng 6 năm 2020, có giá trị tại thời điểm mua là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tại thời điểm xảy vụ việc ngày 22/9/2020 là 1.000.000đ (một triệu đồng).Tổng giá trị của các tài sản cần định giá tại thời điểm xảy ra vụ việc là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã thu giữ:

+ 01 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ReaLme, mặt sau màu xanh sẩm, mặt trước màu đen, kính cường lực bị nứt vỡ nhiều đường, số imei 1: 865.071.042.422.431; số imel 2: 865.071.042.422.423

+ 01 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIMART màu đen, màn hình cảm ứng, góc phía dưới bên phải màn hình có vết nứt hình chân chim, số imei 1: 359869101468952; số imel 2: 359869101468960.

Tất cả các vật chứng trên sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT- VKSKA ngày 16 tháng 4 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Hoàng Việt B về tội "*Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Việt B từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện K tổng hợp hình phạt của bị cáo Hoàng Việt B tại Bản án số 11/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, buộc bị cáo Hoàng Việt B phải

chấp hành hình phạt là từ 24 đến 27 tháng tù (do bị cáo Hoàng Việt B đã chấp hành bản án trước được 08 tháng 11 ngày, do đó thời hạn còn lại của bản án trước là 11 tháng 19 ngày)

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước ở Hoàng Việt B 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo, buộc bị cáo Hoàng Việt B phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát

Lời nói sau cùng của bị cáo là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan CSĐT Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Từ ngày 02/8/2020 đến ngày 22/9/2020 Hoàng Việt B đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 13.100.000đ (mười ba triệu, một trăm ngàn đồng), cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 02/8/2020 trộm cắp tài sản của chị Hoàng Thị L số tiền là 4.700.000đ và 01 chiếc điện thoại di động trị giá 1.900.000đ; lần thứ hai vào ngày 22/9/2020 trộm cắp tài sản của ông Lê Hồng T số tiền là 5.500.000đ và 01 chiếc điện thoại trị giá 1.000.000đ.

Trong các lần trộm cắp tài sản này bị cáo Hoàng Việt B thực hiện hành vi phạm tội một mình, không có đồng phạm.

Hành vi của Hoàng Việt B cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3]. Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hoàng Việt B trong thời gian chờ thi hành Bản án số 11/2020/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 về tội "Tàng trữ hàng cấm" của Toà án nhân dân huyện K, nhưng bị cáo không chấp hành pháp luật mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản" lần này. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường kỷ cương pháp luật Nhà nước, bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự, trị an trên địa bàn khu dân cư. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự là tái phạm; phạm tội 02 lần trở lên; phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên được quy định tại điểm g, điểm h, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Về giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, chủ động bồi thường khắc phục hậu quả, đầu thú, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có bố mẹ đẻ là người có công với Cách mạng, bố được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cần áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, nhưng dù xem xét đến đâu thì cũng cần phải lên cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo và cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt tù của bản án số 11/2020/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện K.

[4].

Đối với bà Nguyễn Thị N và anh Lê Anh T, tại thời điểm Hoàng Việt B cho bà N chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME và B bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART cho anh T thì bà N và anh T không biết về nguồn gốc của hai chiếc điện thoại di động này và Hoàng Việt B cũng không nói cho bà N và anh T biết đây là tài sản do B trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với bà N và anh T về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với chiếc kìm, đèn pin, chiếc liềm mà bị cáo Hoàng Việt B dùng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra bị cáo Hoàng Việt B không nhớ là đã vứt ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm.

[5]. Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã thu giữ và đã trả lại cho chủ sở hữu các vật chứng sau:

+ 01 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ReaLme, mặt sau màu xanh sẩm, mặt trước màu đen, kính cường lực bị nứt vỡ nhiều đường, số imei 1: 865.071.042.422.431; số imel 2: 865.071.042.422.423

+ 01 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIMART màu đen, màn hình cảm ứng, góc phía dưới bên phải màn hình có vết nứt hình chân chim, số imei 1: 359869101468952; số imel 2: 359869101468960.

[6]. Biện pháp tư Pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước ở Hoàng Việt B 1.000.000đ (Một triệu đồng) số tiền này do bị cáo trộm điện thoại di động của ông Lê Hồng T đưa bán cho anh Lê Anh T, hiện nay chiếc điện thoại đó anh T đã giao nộp cho cơ quan CSĐT công an huyện K và anh T không yêu cầu bị cáo B phải trả lại cho anh số tiền nói trên, vì vậy số tiền này là do bị cáo phạm tội mà có.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình của bị cáo Hoàng Việt B đã chủ động bồi thường cho chị Hoàng Thị L số tiền 4.700.000đ (bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng); bồi thường cho ông Lê Hồng T số tiền là 5.500.000đ (năm triệu năm trăm ngàn đồng), chị Hoàng Thị L và ông Lê Hồng T sau khi nhận tiền thì không có yêu cầu gì thêm. Anh Lê Anh T không yêu cầu bị cáo Hoàng Việt B đền bù dân sự, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Khoản 1 Điều 173; điểm g, điểm h, điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo: Hoàng Việt B phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*

Xử phạt Hoàng Việt B 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp với 20 tháng tù của bản án số 11/2020/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc bị cáo Hoàng Việt B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 32 (Ba hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án là 01/10/2020.

Biện pháp tư Pháp: Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước ở Hoàng Việt B 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Về án phí: Xử buộc Hoàng Việt B phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- Phòng PC10
- Sở Tư pháp
- CA huyện K
- VKSND huyện K
- THA dân sự
- THA hình sự
- Những người TGTT
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng